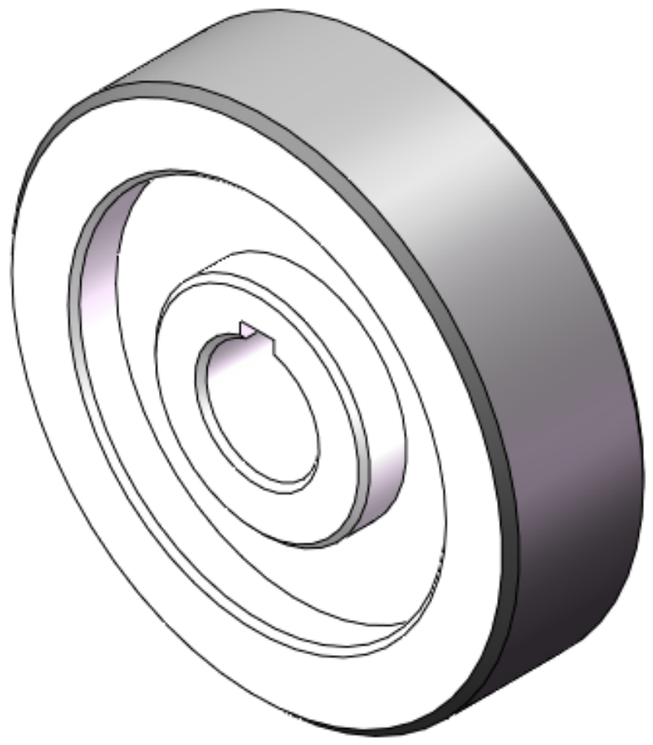

Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc


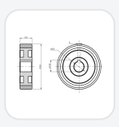

Series AHPU

# Đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe 90 x 25mm

YJ-12039653100114 Sao chép mã

| Đường kính bánh xe (D) | Hoa lốp | Khả năng tải tại 6 km/h |
|---|---|---|
| **90mm** | **mẫu hình lộn xộn** | **170kgs** |

- Đặc tính cơ học và khả năng chống mài mòn tuyệt vời
- Khả năng chống hóa chất và ăn mòn tuyệt vời
- Thích hợp sử dụng cho xe nâng, xe xếp hàng điện, xe tự hành AGV và máy chà sàn
- HPU màu xám đậm với kết cấu hoa văn ngẫu nhiên được gia công
- Tăng độ bám trên mặt đất và cải thiện hiệu quả khả năng chống trượt
- Lõi bên trong: Lõi nhôm
- Gia công ngoài: Polyurethane chất lượng cao

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.

## Bảng dữ liệu sản phẩm

| | | | |
|---|---|---|---|
| Đường kính bánh xe（D） | **90mm** | Chiều rộng bánh xe（T2） | **25mm** |
| Lắp bánh xe — chiều rộng trung bình (T1) | **25mm** | Đường kính lỗ lắp bánh xe (d) | **20mm** |
| Chiều rộng rãnh then lắp bánh xe (B) | **6mm** | Chiều sâu rãnh then lắp bánh xe (H) | **22.8mm** |
| Tải trọng (tĩnh) | **300kgs** | Khả năng tải tại 4 km/h | **200kgs** |
| Khả năng tải tại 6 km/h | **170kgs** | Khả năng tải tại 10 km/h | **140kgs** |
| Khả năng tải tại 16 km/h | **80kgs** | Độ cứng bề mặt bánh xe | **80±5° Shore A** |
| Nhiệt độ | **-20°C to +70°C** | Hoa lốp | **mẫu hình lộn xộn** |
| Vật liệu lõi bánh xe | **Lõi nhôm/lớp thụ động hóa** | Không để lại vết | **Y** |
| Dẫn điện | **N/A** | Chống tĩnh điện | **N/A** |
| Trọng lượng bánh xe | **0.25kgs** | Tiêu chuẩn thử nghiệm | **ISO22883** |

* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét

## Chỉ số hiệu năng

**Độ di chuyển mượt mà**
Tối đa 5 điểm Điểm: 5

**Độ êm khi vận hành**
Tối đa 5 điểm Điểm: 4

**Bảo vệ mặt sàn**
Tối đa 5 điểm Điểm: 5



© 2026 DERSHENG CO., LTD. Bảo lưu mọi quyền.